TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2024/DS-ST
Ngày 12 - 12- 2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Tạ Thanh Bự
Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 676/2024/TLST- DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 448/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Quốc tế B; địa chỉ trụ sở: Số 63/6 T tổ 12, ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Phương L – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Thành Trung, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2024 – có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Quốc L (vắng mặt)
2. Bà Lê Thị Bé H (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân T, xã Tạ An Khương Đ, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn công ty Trách nhiệm hữu hạn Quốc Tế B trình bày:* Ngày 01/3/2015 Công ty TNHH Quốc tế B (sau đây gọi tắt là công ty) với bà Lê Thị Bé H có ký hợp đồng mua bán hàng hoá. Quá trình mua bán diễn ra nhiều lần, tại bản đối chiếu công nợ ngày 18/8/2022 thể hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021 bà Lê Thị Bé H còn nợ công ty số tiền 438.994.000 đồng. Ngày 15/3/2023 bà Bé H thanh toán được 5.000.000 đồng, ngày 31/5/2023 thanh toán 4.000.000 đồng. Nay công ty TNHH Quốc tế B yêu cầu bà Bé H và ông L phải trả cho công ty số tiền còn nợ là 670.073.983 đồng (trong đó số tiền nợ là 429.944.000

đồng, lãi suất 10%/năm tạm tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/8/2024 là 240.079.983 đồng). Tại phiên toà công ty yêu cầu tính lãi suất từ ngày 18/8/2022 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm.

** Bị đơn*

- *Ông Trần Quốc L trình bày:* Ông Trần Quốc L có hợp tác với ông Nguyễn Tiến Phương L cách nay đã trên 10 năm, ông Phương L có giới thiệu thuốc cho ông L bán thuốc cho chủ ao công nghiệp và trả từ từ nên ông mới bán cho ông Phương L. Công ty cho rằng ông nợ số tiền 438.994.000 đồng, ông không đồng ý, mặt hàng ông Phương L gửi cho ông bán cho bà con để trả từ từ.

- *Bà Lê Thị Bé H:* Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Ông Trần Quốc L và bà Lê Thị Bé H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, ông L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của công ty nhưng cũng không đưa ra văn bản tài liệu gì để Hội đồng xét xử xem xét còn bà Bé H đã nhận các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không phản đối yêu cầu khởi kiện của công ty. Theo tài liệu công ty cung cấp cho Tòa án thể hiện tại Hợp đồng mua bán lập vào ngày 01/3/2015 giữa công ty với Đại lý Thành L (bà Lê Thị Bé H ký hợp đồng) và bản đối chiếu công nợ ngày 18/8/2022 giữa công ty với bà Lê Thị Bé H, theo đó tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021 bà Bé H ký xác nhận còn nợ công ty số tiền là 438.994.000 đồng. Nguyên đơn xác định sau khi chốt nợ bà Bé H có trả cho công ty được số tiền 9.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 429.994.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền của hợp đồng mua bán tài sản: *"Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng"*. Do đó, yêu cầu của công ty là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Xét thấy, yêu cầu của công ty về mức lãi suất và thời gian tính lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy lãi suất được tính từ ngày 18/8/2022 đến ngày xét xử là ngày 12/12/2024 là 99.615.257 đồng (429.994.000 đồng x 2 năm 3 tháng 24 ngày x 10%). Tổng vốn lãi buộc bà Bé H và ông L phải trả cho công ty là 529.609.257 đồng.

Về trách nhiệm trả nợ: Xét thấy, bà Bé H và ông L cùng giao dịch mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản của công ty trong thời kỳ hôn nhân nhằm tạo thu nhập chung trong gia đình nên xác định là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, bà Bé H và ông L cùng có trách nhiệm trả nợ cho công ty là phù hợp.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Bé H và ông L phải chịu theo quy định của pháp luật. Công ty không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Quốc Tế B. Buộc bà Lê Thị Bé H và ông Trần Quốc L phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Quốc Tế B tổng số tiền là 529.609.257 đồng (năm trăm H mươi chín triệu sáu trăm lẽ chín nghìn H trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn Quốc Tế B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng bà Lê Thị Bé H và ông Trần Quốc L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Quốc Tế B không phải chịu. Hoàn trả lại cho công ty 15.401.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm lẻ một nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0001966 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Lê Thị Bé H và ông Trần Quốc L phải chịu 25.196.370 đồng (H mươi lăm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.